

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 70/2024/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1990

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1983

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 28/10/2006

+ Cháu Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 18/5/2014

Đại diện theo pháp luật của cháu K và cháu C: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1983

+ Cháu Nguyễn Anh T2, sinh ngày 10/8/2019

Đại diện theo pháp luật của cháu T2: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1990

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; khoản 3 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 136 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 73; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1 thuận tình ly

hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1 có 03 con chung là cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 28/10/2006; cháu Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 18/5/2014; cháu Nguyễn Anh T2, sinh ngày 10/8/2019. Anh chị thỏa thuận thống nhất giao chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2 đến khi cháu T2 thành niên (đủ 18 tuổi), giao anh T1 chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K và cháu C đến khi cháu K và cháu C thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T, anh T1 thỏa thuận thống nhất anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Vì lợi ích của con chung, chị T, anh T1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Chị T, anh T1 có quyền thăm và chăm sóc con chung: không ai được cản trở chị T, anh T1 thực hiện quyền này.

Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1 đều thống nhất tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003792 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Trả lại chị T số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Văn Lâm;
- Chi cục T.H.A DS huyện Văn Lâm;
- UBND xã Minh Hải;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Văn Mười